TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-5-2023
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng và chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phát Triển;

2. Bà Quang Kim Cúc;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trung Vinh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp – Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 05 năm 2023 tại hội trường Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2022/TLST-HNGĐ, ngày 29/12/2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng và chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 04 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 262/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 27/04/2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm số 289/TB-TA, ngày 05/05/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Kim A, sinh năm: 2000 (có mặt); *Địa chỉ:* Khu vực TB2, phường TA, quận TN, thành phố CT

2. *Bị đơn:* Nguyễn Hoàng P, sinh năm: 1996 (có mặt); *Địa chỉ:* 796B/6, ấp TP, xã TP, huyện LV, tỉnh ĐT;Tạm trú: ấp TĐ, xã TT, huyện LV, tỉnh ĐT

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Nguyễn Văn H, sinh năm: 1972 (có mặt); 3.2. Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1972 (vắng mặt); *Cùng địa chỉ:* 796B/6, ấp TP, xã TP, huyện LV, tỉnh ĐT; Tạm trú: ấp TĐ, xã TT, huyện LV, tỉnh ĐT

3.3. Nguyễn Hồng K, sinh năm: 1979 (có mặt); 3.4. Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1983 (có mặt); *Cùng địa chỉ:* Khu vực TB2, phường TA, quận TN, thành phố CT

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các lời khai có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà nguyên đơn Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2020, Nguyễn Thị Kim A và Nguyễn Hoàng P quen nhau và được gia đình 02 bên tổ chức đám cưới, vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 05/5/2020 tại UBND xã Tân Phước, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cải vả, vợ chồng sống ly thân từ ngày 25/6/2022 đến nay. Nay Nguyễn Thị Kim A thấy không còn khả năng đoàn tụ, nhất quyết yêu cầu được ly hôn với Nguyễn Hoàng P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Yến, sinh ngày 17/5/2021. Nguyễn Thị Kim A yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con và yêu cầu Nguyễn Hoàng P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi Nguyễn Hoàng Yến đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 04 năm 2023.

- Về tài sản chung gồm có: Tài sản chung vàng cưới có 29 chỉ vàng 24kara loại vàng 9999 (vàng cưới 5.300.000 đồng /01 chỉ) gồm: 01 đôi bông 01 chỉ, 01 chiếc lắc 08 chỉ, 01 sợi dây chuyền 10 chỉ, 01 cái kiềng 10 chỉ, 01 đôi bông tai 01 chỉ, toàn bộ vàng sau khi cưới do Nguyễn Hoàng P giữ, sau khi cưới khoảng 03 tháng sau hai vợ chồng thống nhất bán 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24kara 9999, số vàng còn lại là 28 chỉ vàng 24kara 9999 do Nguyễn Hoàng P giữ và 01 chỉ vàng 18kara (cặp nhẫn cưới, mỗi người giữ 01 chiếc nhẫn).

Nguyễn Hoàng P cho rằng đã bán vàng cưới hết để lo chi phí khi vợ có bầu, sinh con nhưng không có nói, không trao đổi với Nguyễn Thị Kim A nhưng Phúc nộp các phiếu thu tiền, thanh toán viện phí cho Tòa án tổng cộng là 16.870.000 đồng, Nguyễn Thị Kim A đồng ý trừ số tiền đã chi này là tương đương 04 chỉ vàng 24kara 9999, vậy tài sản chung của vợ chồng còn lại là 24 chỉ vàng 24kara loại 9999, Nguyễn Thị Kim A yêu cầu chia đôi số vàng này, mỗi người nhận ½ là 12 chỉ vàng 24kara 9999, Phúc đang giữ số vàng này nên yêu cầu Tòa án buộc Phúc giao cho Nguyễn Thị Kim A 12 chỉ vàng 24kara 9999; 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18kara mỗi người giữ 01 chiếc nên không yêu cầu chia số vàng này. Khi cưới hai bên gia đình thống nhất vàng cưới thỏa thuận 30 chỉ vàng (29 chỉ vàng 24kara và 01 chỉ vàng 18kara là cặp nhẫn cưới 02 chiếc), không có việc thỏa thuận trả lại 20 chỉ vàng 24kara 9999 như Phúc trình bày.

So với đơn khởi kiện Nguyễn Thị Kim A có thay đổi yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết chia 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future biển số 66L1-773.28 giá trị 38.000.000 đồng, nhận lại 01 cái máy lạnh hiệu Panasonic trị giá 6.500.000 đồng. Về nợ khi ly hôn Nguyễn Thị Kim A có thay đổi yêu cầu và ông Nguyễn Hồng K, Nguyễn Thị Đ có Văn bản ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc buộc Nguyễn Hoàng P trả 10.000.000 đồng.

* Bị đơn Nguyễn Hoàng P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng quen biết và tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn đúng như Nguyễn Thị Kim A trình bày, trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, Nguyễn Hoàng P đồng ý ly hôn Nguyễn Thị Kim A.

Về con chung: Đồng ý Nguyễn Thị Kim A tiếp tục nuôi Nguyễn Hoàng Yến, sinh ngày 17/5/2021 và đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi Nguyễn Hoàng Yến, sinh ngày 17/5/2021 đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 04 năm 2023.

Về tài sản chung khi ly hôn: Khi đám cưới hai bên gia đình thỏa thuận vàng cưới là 10 chỉ vàng gồm 09 chỉ vàng 24kara loại 9999, 01 chỉ vàng 18kara là cặp nhẫn cưới và 30.000.000 đồng nhưng sau đó bên nhà gái nói là vàng cưới 10 chỉ vàng là ít sẽ mất mặt nên thỏa thuận là 30 chỉ vàng và 50.000.000 đồng sau khi đám cưới sẽ trả lại 20 chỉ vàng 24kara 9999 và 20.000.000 đồng nhưng do bên nhà trai sợ không trả lại 20.000.000 đồng nên nói bên nhà gái đưa 20.000.000 đồng trước cho nhà trai đến khi trình vàng tiền sẽ là 30 chỉ vàng và 50.000.000 đồng, hai bên thống nhất thỏa thuận, trước ngày cưới Nguyễn Hoàng P đến nhà gái để nhận 20.000.000 đồng và số vàng, tiền trình ra hai họ đúng như thỏa thuận. Cho nên tài sản chung vợ chồng gồm có 09 chỉ vàng 24kara loại 9999, 01 chỉ vàng 18kara là cặp nhẫn cưới (02 chiếc, mỗi người giữ một chiếc), số vàng sau khi cưới Nguyễn Hoàng P giữ, cha mẹ là Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Kim C không giữ, không liên quan gì số vàng cưới này.

Số vàng này khi Nguyễn Thị Kim A có thai phải dưỡng thai tại Bệnh viện hạnh phúc An Giang và sinh con đã bán hết để lo cho vợ con nên không còn, khi bán vàng Phúc không có nói cho An biết. Nguyễn Hoàng P cung cấp chứng cứ hóa đơn chứng từ lo cho Nguyễn Thị Kim A lúc sinh con tổng cộng là 16.870.000 đồng. Nguyễn Hoàng P không đồng ý chia 24 chỉ vàng 24kara 9999 vì cho rằng đã bán để lo cho vợ trong lúc sinh con và tiêu xài sinh hoạt chung trong gia đình hết số vàng này nhưng chỉ cung cấp được chứng cứ là 16.870.000 đồng. Nguyễn Hoàng P không cung cấp được chứng cứ chứng minh thỏa thuận vàng cưới là 10 chỉ vàng, sẽ trả lại 20 chỉ vàng 24kara loại 9999 sau khi đám cưới và chứng từ chứng minh đã bán hết vàng cưới để chi phí lo cho vợ khi có thai, sinh con.

Về nợ khi ly hôn: Nguyễn Hoàng P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo biên bản lấy lời khai ngày 14/03/2023 của bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Văn H tại phiên tòa trình bày: Ông Hoàng, bà Kim Cương là cha mẹ

của Nguyễn Hoàng P. Bà Nguyễn Kim Kim Cương, ông Nguyễn Văn H cho rằng vàng cưới của Phúc với An do hai vợ chồng giữ làm gì làm, ông bà không biết, không liên quan, không giữ gì số vàng này. Khi cưới chỉ thỏa thuận vàng cưới 10 chỉ vàng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có chứng cứ để chứng minh.

* Nguyễn Hồng K, bà Nguyễn Thị Đ cùng trình bày: Ông Khoa, bà Điệp là cha mẹ của Nguyễn Thị Kim A. Ông Khoa, bà Điệp có thay đổi yêu cầu so với đơn khởi kiện là ông Nguyễn Hồng K, Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc buộc Nguyễn Hoàng P trả 10.000.000 đồng. Đối với số tiền cưới có thỏa thuận như Phúc trình bày, còn số vàng cưới thì 02 bên gia đình thỏa thuận vàng cưới là 30 chỉ vàng, đúng như Nguyễn Thị Kim A trình bày, không có việc thỏa thuận vàng cưới là 10 chỉ, sau khi cưới sẽ trả lại 20 chỉ vàng. Ngoài ra không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng.

- Về phần nội dung: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn Thị Kim A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, cấp dưỡng, chia tài sản khi ly hô giữa Nguyễn Thị Kim A với Nguyễn Hoàng P, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng và chia tài sản khi ly hôn". Bị đơn cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Thị Kim C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt Nguyễn Thị Kim C theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa Nguyễn Thị Kim A và Nguyễn Hoàng P có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống Nguyễn Thị Kim A và Nguyễn Hoàng P có phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, Nguyễn Thị Kim A nhất quyết xin ly hôn. Nguyễn Hoàng P đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Yến, sinh ngày 17/5/2021, Nguyễn Thị Kim A yêu cầu tiếp tục nuôi con, yêu cầu Nguyễn Hoàng P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2023 đến khi Nguyễn Hoàng Yến trưởng thành đủ 18 tuổi; Nguyễn Hoàng P đồng ý giao con cho Nguyễn Thị Kim A tiếp tục nuôi dưỡng,đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2023 đến khi Nguyễn Hoàng Yến trưởng thành đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản khi ly hôn:

Tài sản chung vàng cưới có 29 chỉ vàng 24kara loại vàng 9999 (01 đôi bông 01 chỉ, 01 chiếc lắc 08 chỉ, 01 sợi dây chuyền 10 chỉ, 01 cái kiềng 10 chỉ) và 01 chỉ vàng 18kara (02 chiếc nhẫn, mỗi người giữ một chiếc), sau khi đám cưới Nguyễn Hoàng P giữ số vàng này; Nguyễn Hoàng P cho rằng thỏa thuận vàng cưới chỉ 10 chỉ vàng (01 chỉ vàng 18kara và 09 chỉ vàng 24kara 9999) nhưng không đưa ra được bất cứ chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Hồng Kha, bà Nguyễn Thị Đ cho rằng khi cưới không có thỏa thuận vàng cưới là 10 chỉ vàng như Phúc trình bày và khi cưới trình vàng trước hai họ là 30 chỉ vàng. Cho nên xác định tài sản chung của vợ chồng là 30 chỉ vàng.

Nguyễn Hoàng P cho rằng đã bán hết số vàng cưới để lo chi phí khi vợ có thai, sinh con nhưng không có nói, trao đổi với Nguyễn Thị Kim A nhưng Phúc nộp các phiếu thu tiền, thanh toán viện phí cho Tòa án để chứng minh tổng cộng là 16.870.000 đồng, Nguyễn Thị Kim A đồng ý trừ số tiền đã chi này là tương đương 04 chỉ vàng 24kara 9999, 01 chỉ vàng đôi bông tai đã bán, 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18kara mỗi người giữ 01 chiếc (không yêu cầu chia). Tài sản

chung của vợ chồng còn lại là 24 chỉ vàng 24kara loại 9999, Nguyễn Thị Kim A yêu cầu chia đôi số vàng này, mỗi người nhận ½ là 12 chỉ vàng 24kara 9999, Phúc đang giữ số vàng này nên yêu cầu Tòa án buộc Phúc giao cho Nguyễn Thị Kim A 12 chỉ vàng 24kara 9999, lời trình bày yêu cầu của Nguyễn Thị Kim A là phù hợp lời khai của các đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thị Kim A là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

So với đơn khởi kiện Nguyễn Thị Kim A có thay đổi yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết chia 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future biển số 66L1-773.28 giá trị 38.000.000 đồng, nhận lại 01 cái máy lạnh hiệu Panasonic trị giá 6.500.000 đồng và 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18kara mỗi người giữ 01 chiếc nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ khi ly hôn: Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Hồng K, Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tiền tạm ứng án phí, án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các đương sự phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Nguyễn Thị Kim A với Nguyễn Hoàng P.

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Nguyễn Thị Kim A được tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Hoàng Yến, sinh ngày 17/5/2021. Nguyễn Hoàng P đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi Nguyễn Hoàng Yến, sinh ngày 17/5/2021 đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2023.

Nguyễn Thị Kim A và các thành viên trong gia đình không được cản trở Nguyễn Hoàng P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung khi ly hôn.

3. Về tài sản khi ly hôn:

Nguyễn Thị Kim A được sở hữu 12 chỉ vàng 24kara loại 9999, số vàng này Nguyễn Hoàng P giữ nên buộc Nguyễn Hoàng P giao cho Nguyễn Thị Kim A 12 chỉ vàng 24kara loại 9999.

Nguyễn Hoàng P được sở hữu 12 chỉ vàng 24kara loại 9999 (số vàng này Phúc đang giữ).

4. Án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: (Vàng tính án phí 5.500.000 đồng/01 chỉ).

- Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản khi ly hôn là 3.300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.792.500 đồng theo biên lai số 0015612, ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Nguyễn Thị Kim A phải nộp thêm 807.500 đồng (Tám trăm lẽ bảy nghìn, năm trăm đồng).

- Nguyễn Hoàng P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản khi ly hôn là 3.300.000 đồng (Ba triệu, ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/5/2023). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bích Huyền